

BÁO CÁO
Kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2023
và giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2024

Căn cứ Chương trình kỳ họp giữa năm 2024, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026;

Trên cơ sở số liệu giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 của Kho bạc Nhà nước Bình Phước, qua rà soát tiến độ thực hiện các dự án và đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1492/SKHĐT-ĐT ngày 17/6/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 và giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2024, như sau:

1. Kết quả giải ngân năm 2023

Tổng kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023 đã giao là 5.066.774 triệu đồng, thực hiện giải ngân năm 2023 là 3.651.832 triệu đồng, đạt 48,8% so với chỉ tiêu Chính phủ giao và đạt 72,1% so với kế hoạch tỉnh giao, bao gồm:

a) Vốn ngân sách trung ương: Kế hoạch vốn giao 998.121 triệu đồng, thực hiện giải ngân năm 2023 là 674.756 triệu đồng, đạt 67,6% kế hoạch, trong đó:

- Vốn các chương trình mục tiêu: Kế hoạch vốn giao 470.000 triệu đồng, thực hiện giải ngân năm 2023 là 307.465 triệu đồng, đạt 65,4% kế hoạch.

- Vốn các chương trình mục tiêu quốc gia: Kế hoạch vốn giao 354.121 triệu đồng, thực hiện giải ngân năm 2023 là 323.742 triệu đồng, đạt 91,4% kế hoạch.

- Vốn chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: Kế hoạch vốn giao 174.000 triệu đồng, thực hiện giải ngân năm 2023 là 43.549 triệu đồng, đạt 25% kế hoạch.

b) Vốn ngân sách địa phương: Kế hoạch vốn giao 4.068.653 triệu đồng, thực hiện giải ngân năm 2023 là 2.977.076 triệu đồng, đạt 73,2% kế hoạch, trong đó:

- Vốn xây dựng cơ bản tập trung trong nước: Kế hoạch vốn giao 502.210 triệu đồng, thực hiện giải ngân năm 2023 là 449.366 triệu đồng, đạt 89,5% kế hoạch.

- Nguồn tiền sử dụng đất: Kế hoạch vốn giao 2.462.043 triệu đồng, thực hiện giải ngân năm 2023 là 1.637.748 triệu đồng, đạt 66,5% kế hoạch.

- Vốn xổ số kiến thiết: Kế hoạch vốn giao 1.080.000 triệu đồng, thực hiện giải ngân năm 2023 là 889.478 triệu đồng, đạt 82,4% kế hoạch.

- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (vốn đối ứng dự án ODA): Kế hoạch vốn giao 24.400 triệu đồng, thực hiện giải ngân năm 2023 là 484 triệu đồng, đạt 2% kế hoạch.

*** Kết quả giải ngân phân theo chủ đầu tư, chương trình và ngành lĩnh vực:**

- **Phân theo chủ đầu tư:** Thị xã Phước Long đạt 90,7%; huyện Bù Gia Mập đạt 89,2%; huyện Lộc Ninh đạt 88,4%; huyện Đồng Phú đạt 84,8%; thị xã Bình Long đạt 83%; huyện Bù Đăng đạt 77,6%; huyện Hớn Quản đạt 73,5%; huyện Phú Riềng đạt 71%; huyện Bù Đốp đạt 70,8%; thành phố Đồng Xoài đạt 69,6%; Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh đạt 60,3%; thị xã Chơn Thành đạt 42%.

Trong đó vốn phân cấp của huyện, thị xã, thành phố: Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023 giao 2.583.756 triệu đồng, giải ngân năm 2023 là 1.710.089 triệu đồng, đạt 66,2% kế hoạch giao, cụ thể: Huyện Lộc Ninh đạt 91%; thị xã Phước Long đạt 90,8%; huyện Bù Gia Mập đạt 87,1%; thị xã Bình Long đạt 75,7%; huyện Bù Đăng đạt 75%; huyện Đồng Phú đạt 71,8%; thành phố Đồng Xoài đạt 64,6%; huyện Bù Đốp đạt 60%; huyện Hớn Quản đạt 58,6%; huyện Phú Riềng đạt 57,5%; thị xã Chơn Thành đạt 33,5%.

- **Phân theo chương trình:**

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 349.080 triệu đồng, thực hiện giải ngân năm 2023 là 283.911 triệu đồng, đạt 81,3% kế hoạch giao.

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 221.962 triệu đồng, thực hiện giải ngân năm 2023 là 207.340 triệu đồng, đạt 93,4% kế hoạch giao.

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 20.079 triệu đồng, thực hiện giải ngân năm 2023 là 16.132 triệu đồng, đạt 80,3% kế hoạch giao.

- **Phân theo ngành, lĩnh vực:** Quốc phòng, An ninh đạt 100%; Nông nghiệp, thủy lợi đạt 99,3%; Văn hóa xã hội đạt 89,5%; Công nghiệp đạt 75,8%; Giao thông, vận tải và Hạ tầng đô thị đạt 71,8%; Giáo dục và Đào tạo đạt 69,7%; Y tế đạt 50,7%.

2. Đánh giá chung và nguyên nhân

a) Đánh giá chung

Kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 của tỉnh đạt thấp 72,1%, thấp hơn 7,47 điểm % so với năm 2022 (năm 2022 là 79,57%), trong đó vốn ngân sách trung ương đạt thấp 67,6%. Ngoài trừ tỷ lệ giải ngân đạt khá của một số huyện như: Thị xã Phước Long đạt 90,7%; huyện Bù Gia Mập đạt 89,2%; huyện Lộc Ninh đạt 88,4%, còn lại các đơn vị khác giải ngân thấp, thấp nhất là thị xã Chơn Thành đạt 42%, Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh đạt 60,3%, thành phố Đồng Xoài đạt 69,6%.

Đáng lưu ý là tiền sử dụng đất khối huyện tuy thu đạt và vượt kế hoạch năm, nhưng tỷ lệ giải ngân vốn phân cấp từ nguồn thu này của các huyện, thị xã, thành phố đạt thấp 66,2%. Các huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ giải ngân vốn phân cấp đạt thấp như: Thị xã Chơn Thành đạt 33,5%; huyện Hớn Quản đạt 58,6%; huyện Phú Riềng đạt 57,5%; huyện Bù Đốp đạt 60%; thành phố Đồng Xoài đạt 64,6%. Đồng thời, vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giải ngân năm 2023 của tỉnh chỉ đạt 85,8%, trong đó Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt tỷ lệ cao nhất 93,4%, số vốn còn lại chưa giải ngân của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia sẽ được kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2024 theo Nghị quyết số 104/2023/QH15, Nghị quyết số 108/2023/QH15 của Quốc hội.

b) Nguyên nhân đạt thấp

* Nguyên nhân khách quan:

Do thị trường bất động sản trầm lắng và do vướng quy định về đấu giá quyền sử dụng đất đối với từng thửa đất theo Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ nên trong năm 2023 không triển khai được các dự án đấu giá quyền sử dụng đất khởi tính, hụt thu nguồn đấu giá quyền sử dụng đất năm 2023 là khoảng 3.526 tỷ đồng. Trong khi vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn 67,3% trên tổng vốn đầu tư công của tỉnh, do đó ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thi công và giải ngân vốn các dự án từ nguồn tiền sử dụng đất. Ngoài ra, đối với vốn ngân sách trung ương có một số chương trình mới được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung vào những tháng cuối năm nên phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách trung ương và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nên chưa kịp giải ngân vốn như: Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội 244 tỷ đồng mới giao cuối tháng 7 (dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm y tế thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, tổng mức đầu tư là 174 tỷ đồng) và tháng 12 năm 2023 (dự án Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị Trường Cao đẳng Bình Phước, tổng mức đầu tư là 70 tỷ đồng); chương trình phát triển mạng lưới y tế cơ sở 55.826 triệu đồng mới giao cuối tháng 10 năm 2023.

* Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư của nhiều dự án còn vướng mắc, làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công như: Xây dựng đường kết nối các Khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài; Đường phía Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư tỉnh Bình Phước; Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)...

- Công tác tổ chức thực hiện còn nhiều hạn chế, ở một số nơi cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu còn thiếu quyết tâm, chưa sâu sát đôn đốc thực hiện; chưa tập trung xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc phát sinh của các dự án.

- Công tác chuẩn bị đầu tư còn sơ sài, chất lượng chưa tốt; sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan và địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng chưa đồng bộ nên đã gặp vướng mắc trong triển khai thực hiện nhưng chậm được xử lý, giải quyết; phân bổ vốn đầu tư công ở một số địa phương còn dàn trải, thiếu tập trung; một số Ban quản lý dự án, chủ đầu tư, nhà thầu còn yếu kém về năng lực; công tác kiểm tra, giám sát chưa tốt và chưa được thường xuyên.

3. Giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2024

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 15/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đôn đốc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024; Công điện số 11/CD-BKHĐT ngày 12/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách năm 2024.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về công tác đấu giá quyền sử dụng đất với kết quả cao nhất để có nguồn thu giải ngân vốn đầu tư công.

- Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ rà soát vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh để chỉ đạo sát sao, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh của các dự án.

- Tiếp tục duy trì giao ban định kỳ, thường xuyên hàng tháng về giải ngân vốn đầu tư công để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc như: Thủ tục đầu tư, công tác giải phóng mặt bằng. Riêng đối với vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh duy trì giao ban định kỳ 2 tuần một lần để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các địa phương và đẩy mạnh giải ngân vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi chặt chẽ việc triển khai thực hiện và giải ngân vốn các dự án.

- Đề cao vai trò và gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân; xác định kết quả giải ngân vốn đầu tư công là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và tập thể, cá nhân liên quan.

- Đối với vốn phân cấp các huyện, thị xã, thành phố: Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo quyết liệt nhằm đẩy mạnh giải ngân số vốn được giao, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, thiếu tập trung; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phân bổ và giải ngân vốn phân cấp được giao.

(Kèm theo biểu 1, biểu 2, phụ lục 2.1, biểu 3, biểu 4)

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]

Trần Tuệ Hiền

BIỂU 1
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số 196 /BC-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023		Thực hiện và giải ngân năm 2023		
		Trung ương giao	Tỉnh giao	Số vốn	Tỷ lệ (%)	
					Trung ương giao	Tỉnh giao
	TỔNG SỐ	7.480.557	5.066.774	3.651.832	48,8	72,1
I	Vốn ngân sách trung ương	1.053.947	998.121	674.756	64,0	67,6
1	Vốn trong nước	1.053.947	998.121	674.756	64,0	67,6
	Trong đó:					
1	Các Chương trình mục tiêu	470.000	470.000	307.465	65,4	65,4
2	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	409.947	354.121	323.742	79,0	91,4
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	201.962	201.962	190.151	94,2	94,2
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	3.079	3.079	642	20,9	20,9
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	204.906	149.080	132.949	64,9	89,2
3	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế- xã hội	174.000	174.000	43.549	25,0	25,0
II	Vốn ngân sách địa phương	6.426.610	4.068.653	2.977.076	46,3	73,2
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	502.210	502.210	449.366	89,5	89,5
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	5.000.000	2.462.043	1.637.748	32,8	66,5
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	900.000	1.080.000	889.478	98,8	82,4
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	24.400	24.400	484	2,0	2,0



BIỂU 2
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số *196* /BC-UBND ngày *18* tháng *6* năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023						Thực hiện giải ngân năm 2023						
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Trong đó:					Tỷ lệ
			Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
	Tổng số	5.066.774	998.121	502.210	2.462.043	1.080.000	24.400	3.651.832	674.756	449.374	1.637.743	889.475	484	72,1
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố	2.583.756	350.306	276.000	1.533.700	423.750		1.710.089	322.912	250.038	815.506	321.633	-	66,2
1	Thành phố Đồng Xoài	304.388	68	26.000	278.320			196.627	68	24.248	172.311			64,6
	Trong đó:													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	83.496			83.496									
	Chương trình giảm nghèo bền vững	68	68					68	68					
2	Thị xã Bình Long	176.825	451	23.000	139.160	14.214		133.802	437	11.259	108.932	13.174	-	75,7
	Trong đó:													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	41.748			41.748									
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 20 phòng học)	14.000				14.000		12.987			12.987			
	Chương trình giảm nghèo bền vững	225	51			174		211	50		161			
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	440	400			40		413	387		26			
3	Thị xã Phước Long	61.808	48	22.000	11.760	28.000		56.139	44	21.957	11.211	22.927		90,8
	Trong đó:													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	3.528			3.528									
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 10 phòng học)	28.000				28.000		22.927			22.927			
	Chương trình giảm nghèo bền vững	48	48					44	44					
4	Huyện Đồng Phú	181.822	2.811	26.000	136.220	16.791		130.554	2.664	22.696	88.823	16.371		71,8
	Trong đó:													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	40.866			40.866									
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 10 phòng học)	7.000				7.000		6.802			6.802			
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	9.000				9.000		8.998			8.998			
	Chương trình giảm nghèo bền vững	588	71			517		588	71		517			
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	3.014	2.740			274		2.647	2.593		54			
5	Huyện Bù Đăng	310.821	64.903	29.000	109.760	107.158		233.050	59.388	28.381	70.597	74.684		75,0
	Trong đó:													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	32.928			32.928									
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 50 phòng học)	77.000				77.000		46.445			46.445			
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	53.988	32.988			21.000		52.741	32.032		20.709			
	Chương trình giảm nghèo bền vững	6.131	150			5.981		5.298	150		5.148			
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	34.942	31.765			3.177		29.588	27.206		2.382			
6	Huyện Bù Gia Mập	250.259	71.968	25.000	90.160	63.131		217.925	69.298	24.985	77.311	46.331		87,1
	Trong đó:													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	27.048			27.048									



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023					Thực hiện giải ngân năm 2023						
		Tổng số	Trong đó:				Giải ngân	Trong đó:					Tỷ lệ
			Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
	Tính hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	44.800				44.800	28.905				28.905		
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	19.818	13.818			6.000	19.501	13.501			6.000		
	Chương trình giảm nghèo bền vững	6.629	102			6.527	6.017				6.017		
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	63.852	58.048			5.804	61.206	55.797			5.409		
7	Thị xã Chơn Thành	431.468	68	25.000	372.400	34.000	144.409	68	24.990	85.358	33.993		33,5
	Trong đó:												
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	111.720			111.720								
	Tính hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 40 phòng học)	28.000				28.000	27.993				27.993		
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	6.000				6.000	6.000				6.000		
	Chương trình giảm nghèo bền vững	68	68				68	68					
8	Huyện Hớn Quản	198.324	17.513	25.000	139.160	16.651	116.122	9.256	23.953	74.862	8.051		58,6
	Trong đó:												
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	41.748			41.748								
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	29.818	14.818			15.000	13.152	6.641			6.511		
	Chương trình giảm nghèo bền vững	1.508	115			1.393	1.405	115			1.290		
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	2.838	2.580			258	2.750	2.500			250		
9	Huyện Lộc Ninh	278.602	133.556	28.000	66.640	50.406	253.588	125.762	26.391	53.577	47.858	-	91,0
	Trong đó:												
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	19.992			19.992								
	Tính hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	35.000				35.000	34.914				34.914		
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	51.644	45.644			6.000	44.210	39.896			4.314		
	Chương trình giảm nghèo bền vững	998	94			904	867				867		
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	96.320	87.818			8.502	93.629	85.866			7.763		
10	Huyện Bù Đốp	153.480	16.130	23.000	60.760	53.590	92.085	14.032	21.066	25.411	31.576		60,0
	Trong đó:												
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	18.228			18.228								
	Tính hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 60 phòng học)	42.000				42.000	20.374				20.374		
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	10.000	1.000			9.000	9.645	645			9.000		
	Chương trình giảm nghèo bền vững	1.160	75			1.085	1.162	75			1.087		
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	16.560	15.055			1.505	14.427	13.312			1.115		
11	Huyện Phú Riềng	235.959	42.790	24.000	129.360	39.809	135.788	41.895	20.112	47.113	26.668	-	57,5
	Trong đó:												
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	38.808			38.808								
	Tính hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 26 phòng học)	18.200				18.200	8.804				8.804		
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	61.812	40.812			21.000	57.630	40.235			17.395		
	Chương trình giảm nghèo bền vững	501	82			419	404				404		
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	2.086	1.896			190	1.725	1.660			65		
B	Sở Tài chính	16.360				16.360	10.576	-	-	-	10.576	-	
	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)	16.360				16.360	10.576				10.576		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023						Thực hiện giải ngân năm 2023						
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Trong đó:					Tỷ lệ
			Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
C	Vốn thực hiện dự án	2.466.658	647.815	226.210	928.343	639.890	24.400	1.931.167	351.844	199.336	822.237	557.266	484	78,3
I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1.034.925	348.000	86.685	369.090	206.750	24.400	624.391	88.463	66.595	293.776	175.073	484	60,3
	Dự án chuyển tiếp	821.275	174.000	86.685	353.440	182.750	24.400	554.271	44.914	66.595	290.630	151.648	484	67,5
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chợ Thành - Hoa Lư	200.685	150.000	50.685				94.951	44.266	50.685				
2	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	20.000			20.000			426			426			
3	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước (đường Minh Lập - Lộc Hiệp)	24.400					24.400	484					484	
4	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	35.000			35.000			27.078			27.078			
5	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	15.000			15.000			5.727			5.727			
6	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tĩnh Lỵ	45.000			45.000			28.546			28.546			
7	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	34.000			34.000			34.000			34.000			
8	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	45.000			45.000			45.000			45.000			
9	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bàu Nám, huyện Chợ Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Nám)	10.000			10.000			7.148			7.148			
10	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	3.000			3.000			2.999			2.999			
11	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	26.000			26.000			26.000			26.000			
12	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chỏ qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	32.000			32.000			27.000			27.000			
13	Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	24.000	24.000					648	648					
14	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	31.000		31.000				12.033		12.033				
15	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	5.000				5.000		2.153				2.153		
16	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	9.000				9.000		-						
17	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	19.000			19.000			19.000			19.000			



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023						Thực hiện giải ngân năm 2023						
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Trong đó:					Tỷ lệ
			Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
18	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	5.000		5.000				3.877		3.877				
19	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	18.000			18.000			18.000			18.000			
20	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chợ Thành II	28.740			28.740			27.006			27.006			
21	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	22.700			22.700			22.700			22.700			
22	Trường Cao đẳng Bình Phước	250				250		-						
23	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	25.000				25.000		18.580				18.580		
24	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	48.000				48.000		48.000				48.000		
25	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	46.500				46.500		46.500				46.500		
26	Nâng cấp trung tâm y tế thị xã Phước Long	24.500				24.500		20.592				20.592		
27	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	24.500				24.500		15.823				15.823		
	Dự án khởi công mới	189.650	174.000	-	15.650	-	-	46.695	43.549	-	3.146	-	-	24,6
28	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh BP	15.650			15.650	-		3.146			3.146			
29	Nâng cấp, mở rộng trung tâm y tế thị xã Bình Long	174.000	174.000					43.549	43.549					
	Tất toán các công trình quyết toán	20.950	-	-	-	20.950	-	20.925	-	-	-	20.925	-	99,9
30	Trường THPT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	4.468				4.468		4.467				4.467		
31	Trung tâm y tế huyện Phú Riềng	226				226		225				225		
32	Hồ chứa nước Sơn Lợi, huyện Bù Đăng	197				197		196				196		
33	Nâng cấp, mở rộng đường Lộc Tấn-Bù Đốp (ĐT 759B) đoạn K8+000 đến Km10+500 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	328				328		324				324		
34	Xử lý sạt lở, đảm bảo giao thông khẩn cấp đoạn KM16+000 đến Km21+369 đường Sao Bông - Đàng Hà, tỉnh Bình Phước: Hoàn thiện mặt đường Bê tông nhựa 2 lớp và công trình phụ trợ	87				87		86				86		
35	Khu tưởng niệm thuộc khu di tích lịch sử căn cứ bộ chỉ huy quân sự giải phóng Miền Nam Việt Nam	29				29		28				28		
36	Nhà đón tiếp khu di tích lịch sử căn cứ bộ chỉ huy Miền Nam Việt Nam	41				41		40				40		
37	Nối dài hạ lưu mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc	889				889		889				889		
38	Đầu nối hạ tầng KDC Phú Thịnh (Giai đoạn 1) P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài với đường Hồ Xuân Hương	78				78		78				78		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023						Thực hiện giải ngân năm 2023						
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Trong đó:					Tỷ lệ
			Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
39	Hệ thống thủy lợi Hưng Phú, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng	11				11		10				10		
40	Phương án và dự toán chi phí hỗ trợ thực hiện đào mới và cải tạo, nâng cấp giềng đào xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản	7				7		6				6		
41	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp	18				18		18				18		
42	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đa Bo, huyện Bù Đăng.	50				50		49				49		
43	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bầu úm, xã Tân Khai.	39				39		38				38		
44	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Bình Phước	7.322				7.322		7.321				7.321		
45	Xây dựng Ký túc xá Trường chính trị tỉnh Bình Phước	306				306		300				300		
46	Đầu tư trang thiết bị Ký túc xá và 06 phòng học Trường Chính trị tỉnh	6.725				6.725		6.721				6.721		
47	Xây dựng đường giao thông khu dân cư ấp 1, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	129				129		129				129		
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	3.050	-	-	-	3.050	-	2.500	-	-	-	2.500	-	82,0
48	Xây dựng đường kết nối Hớn Quản ra QL14 (xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành)	550				550								
49	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu- Thành phần tỉnh Bình Phước (2 trạm bơm và các kênh dẫn nước)	2.500				2.500		2.500				2.500		
II	Thành Phố Đồng Xoài	63.000	-	50.000	13.000	-	-	59.156	-	48.291	10.865	-	-	93,9
	Dự án chuyển tiếp	63.000	-	50.000	13.000	-	-	59.156	-	48.291	10.865	-	-	93,9
1	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	50.000		50.000				48.291		48.291				96,6
2	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	13.000			13.000			10.865			10.865			
III	Thị xã Bình Long	75.580	-	25.580	-	50.000	-	75.580	-	25.580	-	50.000	-	100,0
	Dự án chuyển tiếp	50.000	-	-	-	50.000	-	50.000	-	-	-	50.000	-	100,0
1	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	15.000				15.000		15.000				15.000		
2	Xây dựng trường THPT Bình Long	35.000				35.000		35.000				35.000		
	Dự án khởi công mới	25.580		25.580	-	-	-	25.580	-	25.580	-	-	-	100,0
3	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	25.580		25.580				25.580		25.580				
IV	Thị xã Phước Long	74.500	-	-	66.500	8.000	-	67.428	-	-	61.107	6.321	-	90,5
	Dự án chuyển tiếp	74.500	-	-	66.500	8.000	-	67.428	-	-	61.107	6.321	-	90,5
1	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	15.000			15.000			15.000			15.000			
2	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	20.000			20.000			14.610			14.610			



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023						Thực hiện giải ngân năm 2023						
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Trong đó:					Tỷ lệ
			Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
3	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	16.500			16.500			16.497			16.497			
4	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	15.000			15.000			15.000			15.000			
5	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	8.000				8.000		6.321				6.321		
V	Huyện Đồng Phú	156.067	86.000	20.000	42.000	8.067	-	156.061	86.000	20.000	42.000	8.061	-	100,0
	Dự án chuyển tiếp	154.000	86.000	20.000	40.000	8.000	-	154.000	86.000	20.000	40.000	8.000	-	100,0
1	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	86.000	86.000					86.000	86.000					
2	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	20.000			20.000			20.000			20.000			
3	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	20.000		20.000				20.000		20.000				
4	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	20.000			20.000			20.000			20.000			
5	Xây dựng trường mầm non Tân Lập	8.000				8.000		8.000				8.000		
	Dự án khởi công mới	2.000	-	-	2.000	-	-	2.000	-	-	2.000	-	-	100,0
6	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riềng Đỏ từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	2.000			2.000			2.000			2.000			
	Tất toán các công trình quyết toán	67	-	-	-	67	-	61	-	-	-	61	-	
7	Trường mầm non Tân Phước, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.	67				67		61				61		
VI	Huyện Hớn Quản	166.320	110.000	-	46.000	10.320	-	152.054	96.672	-	45.362	10.020	-	91,4
	Dự án chuyển tiếp	165.000	110.000	-	45.000	10.000	-	151.034	96.672	-	44.362	10.000	-	91,5
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu vực khu công nghiệp Minh Hưng Sıkico huyện Hớn Quản	110.000	110.000					96.672	96.672					
2	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	20.000			20.000			20.000			20.000			
3	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	1.000			1.000			1.000			1.000			
4	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	4.000			4.000			3.362			3.362			
5	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	20.000			20.000			20.000			20.000			

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023						Thực hiện giải ngân năm 2023						
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Trong đó:					Tỷ lệ
			Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
6	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	10.000				10.000		10.000				10.000		
	Dự án khởi công mới	1.000			1.000			1.000	-	-	1.000	-	-	100,0
7	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi xã Long Tân, huyện Phú Riềng	1.000			1.000			1.000			1.000			
	Tất toán các công trình quyết toán	20				20		20	-	-	-	20	-	100,0
8	Nâng cấp đường liên xã từ Minh Tâm đi An Phú, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.	20				20		20				20		
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	300		-	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Nâng cấp, xây dựng đường và cầu Bù Dinh- Thanh Sơn xã Thanh An huyện Hớn Quản	300				300								
VII	Thị xã Chơn Thành	87.820	-	16.445	60.753	10.622	-	73.657	-	16.445	46.590	10.622	-	83,9
	Dự án chuyển tiếp	86.820	-	16.445	59.753	10.622	-	73.657	-	16.445	46.590	10.622	-	84,8
1	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	55.000		16.445	27.933	10.622		49.284		16.445	22.217	10.622		
2	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	31.820			31.820			24.373			24.373			
	Dự án khởi công mới	1.000			1.000			-	-	-	-	-	-	-
3	Xây dựng đường vành đai thị trấn Chơn Thành kết nối KCN Becamex	1.000			1.000			-						
VIII	Huyện Bù Đăng	89.520	-	6.000	42.000	41.520	-	77.536	-	925	41.924	34.687	-	86,6
	Dự án chuyển tiếp	83.000	-	5.000	42.000	36.000	-	77.388	-	899	41.924	34.565	-	93,2
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	12.000			12.000			12.000			12.000			
2	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	5.000		5.000				899		899				
3	Xây dựng Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	15.000			15.000			14.924			14.924			
4	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	15.000			15.000			15.000			15.000			
5	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	6.000				6.000		6.000				6.000		
6	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	5.000				5.000		5.000				5.000		
7	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	20.000				20.000		18.565				18.565		
8	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	5.000				5.000		5.000				5.000		
	Dự án khởi công mới	6.000	-	1.000	-	5.000	-	148	-	26	-	122	-	2,5
9	Xây dựng đường liên xã từ Bình Minh đi Minh Hưng (tuyến trong)	1.000		1.000				26		26				
10	Xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Lan xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	5.000				5.000		122				122		
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	520		-	-	520	-	-						-



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023						Thực hiện giải ngân năm 2023						
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Trong đó:					Tỷ lệ
			Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
11	Xây dựng đường liên xã Đức Liễu - Nghĩa Bình - Nghĩa Trung (kết nối với đường Sao Bông - Đăng Hà)	520				520								
IX	Huyện Bù Gia Mập	79.839	-	-	79.000	839	-	76.376	-	-	75.738	638	-	95,7
	Dự án chuyển tiếp	78.000	-	-	78.000	-	-	74.738	-	-	74.738	-	-	95,8
1	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	15.000			15.000			15.000			15.000			
2	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kì qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	10.000			10.000			10.000			10.000			
3	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư ĐT.741 đến cầu Đăk Ô (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	40.000			40.000			40.000			40.000			
4	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	3.000			3.000			3.000			3.000			
5	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	10.000			10.000			6.738			6.738			
	Dự án khởi công mới	1.000	-	-	1.000	-	-	1.000	-	-	1.000	-	-	100,0
6	Xây dựng đập làm hồ nước cung cấp cho TTHC huyện và đường đầu nối tuyến đường ĐT 760 chạy qua TTHC huyện Bù Gia Mập	1.000			1.000			1.000			1.000			
	Tất toán các công trình quyết toán	639				639		638	-	-	-	638	-	99,8
7	Đường từ ĐT 741 đi đội 6 Bù Gia Phúc, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.	639				639		638				638		
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	200		-	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 760 từ cầu Đăk Ô, xã Phú Văn đi xã đường 10, huyện Bù Đăng	200				200		-						
X	Huyện Bù Đốp	75.520	-	-	55.000	20.520	-	69.980	-	-	49.980	20.000	-	92,7
	Dự án chuyển tiếp	75.000	-	-	55.000	20.000	-	69.980	-	-	49.980	20.000	-	93,3
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	15.000			15.000			15.000			15.000			
2	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	20.000			20.000			20.000			20.000			
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	15.000			15.000			9.980			9.980			
4	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	5.000			5.000			5.000			5.000			
5	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	10.000				10.000		10.000				10.000		
6	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	10.000				10.000		10.000				10.000		
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	520		-	-	520	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Xây dựng đường giao thông từ trung tâm xã Thanh Hòa đi cầu Bình Thắng kết nối với huyện Bù Gia Mập	250				250		-						
8	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ Chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trắng - Giai đoạn 2	270				270		-						
XI	Huyện Lộc Ninh	111.547	50.000	-	46.000	15.547	-	91.416	29.879	-	46.000	15.537	-	82,0
	Dự án chuyển tiếp	105.000	50.000	-	46.000	9.000	-	84.879	29.879	-	46.000	9.000	-	80,8

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023						Thực hiện giải ngân năm 2023						
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Trong đó:					Tỷ lệ
			Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chẽ Biển đi cầu Đò xã Lộc Điền)	50.000	50.000					29.879	29.879					
2	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	12.000			12.000			12.000			12.000			
3	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	13.000			13.000			13.000			13.000			
4	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	21.000			21.000			21.000			21.000			
5	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	9.000				9.000		9.000				9.000		
	Tất toán các công trình quyết toán	6.547	-	-	-	6.547	-	6.537	-	-	-	6.537	-	
6	Nâng cấp mở rộng đường Phan Chu Trinh kết nối với Quốc lộ 13, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	6.547				6.547		6.537				6.537		
XII	Huyện Phú Riềng	109.518	-	-	109.000	518	-	109.410	-	-	108.895	515	-	99,9
	Dự án chuyển tiếp	109.000	-	-	109.000	-	-	108.895	-	-	108.895	-	-	99,9
1	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	25.000			25.000			25.000			25.000			
2	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	14.000			14.000			13.895			13.895			
3	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hơn Quán)	20.000			20.000			20.000			20.000			
4	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	50.000			50.000			50.000			50.000			
	Tất toán các công trình quyết toán	518	-	-	-	518	-	515	-	-	-	515	-	99,4
5	Trồng mằm non xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	518				518		515				515		
XIII	Chi cục Kiểm Lâm	8.081	-	-	-	8.081	-	8.012	-	-	-	8.012	-	99,1
	Dự án chuyển tiếp	8.000	-	-	-	8.000	-	8.000	-	-	-	8.000	-	100,0
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	8.000				8.000		8.000				8.000		
	Tất toán các công trình quyết toán	81	-	-	-	81	-	12	-	-	-	12	-	
2	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2018	81				81		12				12		
XIV	Sở Y tế	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự án chuyển tiếp	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	1.000				1.000		-						
XV	Đài PTTH và Báo Bình Phước	50.046	-	-	-	50.046	-	50.038	-	-	-	50.038	-	100,0
	Dự án chuyển tiếp	50.000	-	-	-	50.000	-	49.995	-	-	-	49.995	-	100,0
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	50.000				50.000		49.995				49.995		
	Tất toán các công trình quyết toán	46	-	-	-	46	-	43	-	-	-	43	-	93,5
2	Xây dựng Trung tâm phát xạ BTV Đài phát thanh - truyền hình và Báo Bình Phước.	46				46		43				43		
XVI	Sở Thông tin và Truyền thông	69.000	-	-	-	69.000	-	63.773	-	-	-	63.773	-	92,4
	Dự án chuyển tiếp	24.000	-	-	-	24.000	-	18.805	-	-	-	18.805	-	78,4

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023						Thực hiện giải ngân năm 2023						
		Tổng số	Trong đó:					Giải ngân	Trong đó:					Tỷ lệ
			Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	24.000				24.000		18.805				18.805		
	Dự án khởi công mới	45.000	-	-	-	45.000		44.968	-	-	-	44.968		
2	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	45.000				45.000		44.968				44.968		
XVII	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	16.670	-	-	-	16.670	-	16.670	-	-	-	16.670	-	100,0
	Dự án chuyển tiếp	16.500				16.500		16.500	-	-	-	16.500	-	100,0
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	16.500				16.500		16.500				16.500		
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	170		-	-	170	-	170	-	-	-	170	-	100,0
2	Xây dựng kho vũ khí đạn Bộ CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	170				170		170				170		
XVIII	Công an tỉnh	36.640	-	21.500	-	15.140	-	36.640	-	21.500	-	15.140	-	100,0
	Dự án chuyển tiếp	21.500		21.500	-	-		21.500	-	21.500	-	-	-	100,0
1	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công An tỉnh	21.500		21.500				21.500		21.500				
	Dự án khởi công mới	15.000	-	-	-	15.000	-	15.000	-	-	-	15.000	-	100,0
2	Đầu tư trang thiết bị cho bộ phận một cửa các cấp và lực lượng Công an để triển khai mô hình dịch vụ công theo Đề án 06/CP	15.000				15.000		15.000				15.000		
	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	140		-	-	140	-	140	-	-	-	140	-	100,0
3	Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)	140				140		140				140		
XIX	Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh	50.000	50.000	-	-	-	-	50.000	50.000					100,0
	Dự án chuyển tiếp	50.000	50.000	-	-	-	-	50.000	50.000					100,0
1	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc Ô huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh; Lộc thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	50.000	50.000					50.000	50.000					
XX	Văn phòng Điều phối Xây dựng NTM	107.000	-	-	-	107.000	-	72.034	-	-	-	72.034	-	67,3
1	Thanh toán hợp đồng mua xi măng tập trung 2022	57.403				57.403		57.060				57.060		
2	Mua xi măng tập trung 2023	49.597				49.597		14.974				14.974		
XXI	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	2.155	2.155											-
XXII	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	955	830	-	-	125	-							
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	955	830			125								
XXIII	Ban Dân tộc	955	830	-	-	125	-	955	830	-	-	125	-	
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	955	830			125		955	830			125		

Phụ lục 2.1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN PHÂN CẤP CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số 196 /BC-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023	Thực hiện giải ngân năm 2023	Tỷ lệ giải ngân (%)
	TỔNG CỘNG	2.583.756	1.710.089	66,2
1	Thành phố Đồng Xoài	304.388	196.627	64,6
2	Thị xã Bình Long	176.825	133.802	75,7
3	Huyện Lộc Ninh	278.602	253.588	91,0
4	Thị xã Phước Long	61.808	56.139	90,8
5	Huyện Bù Đăng	310.821	233.050	75,0
6	Huyện Đồng Phú	181.822	130.554	71,8
7	Thị xã Chơn Thành	431.468	144.409	33,5
8	Huyện Bù Đốp	153.480	92.085	60,0
9	Huyện Hớn Quản	198.324	116.122	58,6
10	Huyện Bù Gia Mập	250.259	217.925	87,1
11	Huyện Phú Riềng	235.959	135.788	57,5

BIỂU 3
TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN THEO CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Báo cáo số 196 /BC-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023	Thực hiện giải ngân năm 2023	Tỷ lệ giải ngân (%)
	TỔNG CỘNG	5.066.774	3.651.832	72,1
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.034.925	624.391	60,3
2	Thành phố Đồng Xoài	367.388	255.783	69,6
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	304.388	196.627	64,6
	Vốn thực hiện dự án	63.000	59.156	93,9
3	Thị xã Bình Long	252.405	209.382	83,0
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	176.825	133.802	75,7
	Vốn thực hiện dự án	75.580	75.580	100,0
4	Huyện Lộc Ninh	390.149	345.004	88,4
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	278.602	253.588	91,0
	Vốn thực hiện dự án	111.547	91.416	82,0
5	Thị xã Phước Long	136.308	123.567	90,7
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	61.808	56.139	90,8
	Vốn thực hiện dự án	74.500	67.428	90,5
6	Huyện Bù Đăng	400.341	310.586	77,6
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	310.821	233.050	75,0
	Vốn thực hiện dự án	89.520	77.536	86,6
7	Huyện Đồng Phú	337.889	286.615	84,8
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	181.822	130.554	71,8
	Vốn thực hiện dự án	156.067	156.061	100,0
8	Thị xã Chơn Thành	519.288	218.066	42,0
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	431.468	144.409	33,5
	Vốn thực hiện dự án	87.820	73.657	83,9
9	Huyện Bù Đốp	229.000	162.065	70,8
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	153.480	92.085	60,0
	Vốn thực hiện dự án	75.520	69.980	92,7
10	Huyện Hớn Quản	364.644	268.176	73,5
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	198.324	116.122	58,6
	Vốn thực hiện dự án	166.320	152.054	91,4
11	Huyện Bù Gia Mập	330.098	294.301	89,2
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	250.259	217.925	87,1
	Vốn thực hiện dự án	79.839	76.376	95,7
12	Huyện Phú Riềng	345.477	245.198	71,0
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	235.959	135.788	57,5
	Vốn thực hiện dự án	109.518	109.410	99,9
13	Các đơn vị khác	358.862	308.698	86,0
13.1	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	16.670	16.670	100,0
13.2	Công an tỉnh	36.640	36.640	100,0
13.3	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	50.000	50.000	100,0
13.4	Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh	107.000	72.034	67,3
13.5	Sở Tài chính	16.360	10.576	64,6
13.6	Sở Y tế	1.000	-	0,0
13.7	Đài PTTH và Báo Bình Phước	50.046	50.038	100,0
13.8	Sở Thông tin và Truyền thông	69.000	63.773	92,4
13.9	Chi cục Kiểm lâm	8.081	8.012	99,1
13.10	Ban Dân tộc	955	955	100,0
13.11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	955	-	-
13.12	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	2.155	-	-

BIỂU 4**TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Báo cáo số 196 /BC-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Ngành lĩnh vực	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023	Thực hiện giải ngân năm 2023	Tỷ lệ
Tổng cộng		5.066.774	3.651.832	72,1
1	Công nghiệp	139.329	105.658	75,8
2	Giao thông vận tải & Hạ tầng đô thị	2.573.083	1.847.069	71,8
3	Y tế	586.166	297.469	50,7
4	Giáo dục và Đào tạo	864.274	602.401	69,7
5	Văn hóa - Xã hội	198.588	177.713	89,5
6	Quốc phòng - An ninh	103.310	103.310	100,0
7	Nông nghiệp, thủy lợi	10.903	10.829	99,3
8	Chương trình MTQG Xây dựng NTM	349.080	283.911	81,3
9	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	221.962	207.340	93,4
10	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	20.079	16.132	80,3

